

KINH NGHIỆM PHÁT HIỆN VI PHẠM TRONG CÔNG TÁC KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN HÀNH CHÍNH, VỤ VIỆC KINH DOANH THƯƠNG MẠI, LAO ĐỘNG

NGUYỄN XUÂN HÒA *
NGUYỄN THỊ THU HẢI **

Từ khóa: Kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính; kháng nghị; vụ án hành chính; vụ việc kinh doanh thương mại, lao động

Nhận bài : 03/8/2022.

Biên tập xong : 06/8/2022.

Duyệt bài : 09/8/2022.

Những năm gần đây, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, án hành chính, kinh doanh thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật diễn biến phức tạp, đa dạng về nội dung, tăng đột biến về số lượng. Năm 2020, tổng số án thụ lý là 448 vụ (trong đó: Án hành chính là 191 vụ; kinh doanh thương mại, lao động là 257 vụ; kháng nghị 02 vụ). Năm 2021, tổng số án thụ lý là 469 vụ (trong đó: Án hành chính là 245 vụ; kinh doanh thương mại, lao động là 224 vụ; kháng nghị 10 vụ án hành chính). Sáu tháng đầu năm 2022,

“ Từ thực tiễn công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh thương mại, lao động, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phát hiện, tổng hợp một số dạng vi phạm phổ biến để ban hành kháng nghị; từ đó rút ra một số kinh nghiệm đối với Kiểm sát viên trong giải quyết các vụ án, vụ việc cụ thể. ”

tổng thụ lý kiểm sát việc giải quyết 159 vụ (trong đó: Án hành chính 153 vụ; kinh doanh thương mại, lao động là 06 vụ, Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh kháng nghị ngang cấp 07 vụ án hành chính. Tổng số án hành chính, kinh doanh thương mại, lao động bị hủy sửa là 03 vụ, tỉ lệ kháng nghị là 07 vụ trên số vụ án bị hủy sửa (03 vụ) đạt 233,3%, vượt chỉ tiêu nghiệp vụ về

* Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

** Tạp chí Kiểm sát Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

kháng nghị 213,3 %. So với 6 tháng đầu năm 2021 số lượng kháng nghị ngang cấp tăng 05 vụ, tỉ lệ kháng nghị tăng 200%.

Qua các số liệu trên cho thấy số lượng kháng nghị, của VKSND tỉnh Đắk Lắk tăng qua từng năm, chất lượng kháng nghị ngày càng cao (số kháng nghị được Viện kiểm sát cấp cao bảo vệ đạt 100%). Từ thực tiễn công tác kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh thương mại, lao động, VKSND tỉnh Đắk Lắk rút ra một số kinh nghiệm trong nhận dạng, phát hiện một số dạng vi phạm, từ đó tổng hợp ban hành kháng nghị.

1. Kinh nghiệm phát hiện vi phạm trong vụ án hành chính

- Không xác định đúng đối tượng bị khởi kiện:

Ví dụ: Bà Hoàng Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân (TAND) thành phố B tuyên xử hành vi cưỡng chế thu hồi đất của Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng thành phố B là vi phạm pháp luật và buộc Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng liên đới với Ủy ban nhân dân (UBND) phường M bồi thường diện tích đất cho gia đình bà số tiền 8 tỉ đồng trị giá 200m² đất do hành vi hành chính gây ra. Tại Bản án số 04/2021/HC-ST ngày 20/9/2021 của TAND thành phố B đã tuyên xử bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Trong vụ án này, Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng thành phố B là tổ chức sự nghiệp công lập, không được giao thực hiện quản lý hành chính nhà nước mà chỉ có chức năng thực hiện, quản lý, điều hành các dự án đầu tư xây dựng công trình trong

các lĩnh vực: Giao thông, hạ tầng, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp, điện, nước... do UBND thành phố B làm chủ đầu tư. Như vậy, hành vi của Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng thành phố B không phải là hành vi hành chính được quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 3 Luật tổ tụng hành chính (TTHC) năm 2015, nhưng TAND thành phố B vẫn thụ lý và giải quyết là không đúng quy định pháp luật.

Kinh nghiệm đối với Kiểm sát viên: Kiểm sát viên được phân công kiểm sát việc tuân theo pháp luật, giải quyết các vụ án hành chính phải kiểm sát chặt chẽ ngay từ khi nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, phải tiến hành kiểm tra việc TAND thụ lý giải quyết, xác định đã đúng đối tượng bị khởi kiện theo quy định tại Điều 3 Luật TTHC năm 2015 hay chưa. Theo đó, Kiểm sát viên phải yêu cầu hoặc liên hệ Tòa án sao chụp đơn khởi kiện để phục vụ cho việc kiểm sát ngay từ ban đầu, kịp thời phát hiện vi phạm, có biện pháp khắc phục hoặc yêu cầu người khởi kiện sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện để chuyển hồ sơ lên Tòa án cấp trên giải quyết theo đúng thẩm quyền.

- Xác định điều kiện bố trí tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và xem xét, giải quyết không đầy đủ các yêu cầu khởi kiện:

Ví dụ: Ông Huỳnh Văn B khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy 02 quyết định của UBND thành phố K vì cho rằng UBND ra quyết định thu hồi 197m² đất trồng cây lâu năm trong tổng số 357,9m² (gồm 40m² đất ở và 317m² đất nông nghiệp) mà không thu hồi đất ở của gia đình ông nên không

đủ điều kiện để xem xét giao đất tái định cư. Ngoài ra, ông còn yêu cầu Tòa án buộc UBND thành phố K phải điều chỉnh tăng thêm số tiền 40 triệu đồng về phần kinh phí bồi thường hỗ trợ cho gia đình ông đối với các tài sản chưa bồi thường.

Trong vụ án này, diện tích đất ở mà ông B yêu cầu bồi thường thực chất là đất nông nghiệp, Nhà nước chỉ thu hồi đất nông nghiệp, không thu hồi đất ở nên gia đình ông B không thuộc trường hợp được bố trí tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Hơn nữa, ngày 21/01/2020, gia đình ông B đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đối với diện tích đất còn lại gồm 140m² đất ở (trong đó có 100m² phải nộp tiền và 40m² không phải nộp tiền) và 20,9m² đất nông nghiệp. Do vậy, theo khoản 5 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (Nghị định số 47/2007) và Điều 4 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thì ông B không thuộc trường hợp được cấp đất tái định cư.

Kinh nghiệm đối với Kiểm sát viên: Khi giải quyết vụ án hành chính mà người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy quyết định thu hồi đất vì cho rằng UBND khi thu hồi đất đã không thu hồi diện tích đất ở, nên họ không được bố trí tái định cư và hủy quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất vì cho rằng chưa bồi thường đầy đủ vật kiến trúc cho gia đình họ, Kiểm sát viên phải xem xét quyết định thu

hồi đất của UBND thu hồi bao nhiêu phần trăm diện tích đất của người sử dụng đất và diện tích đất còn lại (bao gồm cả diện tích đất ở và đất nông nghiệp). Nếu diện tích đất còn lại sau khi bị thu hồi mà còn đủ hạn mức đất ở và phù hợp với quy hoạch đất ở, thì người sử dụng đất được chuyển đổi mục đích sử dụng đất và Nhà nước không bố trí tái định cư đối với trường hợp này. Hơn nữa, cần phải xem xét giải quyết hết các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, nhằm giải quyết triệt để vụ án, đảm bảo quyền lợi cho người khởi kiện.

- Xác định sai căn cứ áp dụng pháp luật khi phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Ví dụ: Bà Lục Thị S khởi kiện yêu cầu TAND tỉnh Đ tuyên hủy công văn ngày 11/01/2021 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc trả lời đơn khiếu nại và buộc UBND thành phố B giao thêm cho hộ gia đình bà 01 lô đất tái định cư, ngoài 02 lô tái định cư đã giao trước đó theo quy định pháp luật. Tại Bản án số 43/2021/HC-ST ngày 20/9/2021 của TAND tỉnh Đ đã tuyên bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà Lục Thị S.

Trong vụ án này, UBND thành phố B ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư không cùng một ngày theo khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013. Tại thời điểm UBND thành phố B thu hồi đất thì thửa đất gia đình bà S có 03 hộ gia đình sinh sống độc lập trong 03 căn nhà trên đất bị thu hồi, theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014 và Quyết định số

39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đ thì hộ bà S được xem xét cấp 03 lô đất tái định cư. Tuy nhiên, đến ngày 15/9/2020, UBND thành phố B mới ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ bà S. Theo Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND thì hộ bà S chỉ được cấp 02 lô đất tái định cư. Điều này gây ảnh hưởng lớn đến quyền lợi của hộ gia đình bà Lục Thị S.

Kinh nghiệm đối với Kiểm sát viên: Trong quá trình kiểm sát, Kiểm sát viên cần nắm vững quy định tại khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013. Theo đó, khi UBND cấp có thẩm quyền tiến hành thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng thì quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phải được ban hành trong cùng một ngày. Tuy nhiên, vẫn có trường hợp sau khi ban hành quyết định thu hồi đất thì nhiều năm sau mới có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trong khoảng thời gian này, địa phương đã ban hành quyết định mới sửa đổi, bổ sung các quy định về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh. Điều này dẫn đến việc khi UBND ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã áp dụng quyết định được sửa đổi, bổ sung, mà quyết định này khi áp dụng có nội dung bất lợi cho người dân. Nhưng, Tòa án vẫn lấy đó

làm căn cứ tuyên, bác yêu cầu khởi kiện là không đúng quy định pháp luật.

- *Vi phạm trong việc TAND tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng quy định pháp luật:*

Ví dụ: Ông Đỗ Minh T và bà Vũ Thị X khởi kiện yêu cầu TAND tỉnh Đ tuyên hủy Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 11/5/2007 của UBND thành phố B cấp GCNQSDĐ của thửa đất số 01, tờ bản đồ số 65 cho hộ ông Phạm Ngọc Q và bà Phạm Thị V, đã được thay đổi cơ sở pháp lý cho ông Nguyễn Xuân H, bà Nguyễn Thị M để điều chỉnh lại diện tích cho đúng với diện tích thực tế mà gia đình ông đang sử dụng.

Trong vụ án này, các tài liệu, chứng cứ thể hiện như hồ sơ cấp GCNQSDĐ, lời khai của nhân chứng, người liên quan đều thể hiện diện tích đất 5.281m² trên GCNQSDĐ cấp cho ông Phạm Ngọc Q và bà Phạm Thị V có nguồn gốc rõ ràng, hợp đồng chuyển nhượng, thủ tục hồ sơ chuyển nhượng đầy đủ, tuân thủ đúng quy định của pháp luật đất đai. Ngoài ra, qua xem xét thẩm định tại chỗ thấy rằng, trong diện tích đất tranh chấp có 245,9m² đất nằm trong diện tích 5.281m² đất đã cấp cho gia đình ông Q. Diện tích sử dụng trên thực tế so với trích lục bản đồ đất mà gia đình ông Q, bà V được cấp là do các bên khi nhận đất không cắm mốc giới. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được UBND thành phố B cấp cho hộ ông Phạm Ngọc Q trước khi bà Vũ Thị X nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do đó, việc UBND thành phố B cấp GCNQSDĐ thửa đất số 01, tờ bản đồ số 65, diện tích 5.281m², tại phường A cho ông

Phạm Ngọc Q và bà Phạm Thị V là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Tuy nhiên, TAND tỉnh Đ tuyên xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đỗ Minh T, bà Vũ Thị X hủy Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 11/5/2007 của UBND thành phố B cấp GCNQSDĐ thửa đất số 01, tờ bản đồ số 65 cho hộ ông Phạm Ngọc Q và bà Phạm Thị V, đã được thay đổi cơ sở pháp lý cho ông Nguyễn Xuân H, bà Nguyễn Thị M là không đúng quy định, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông Nguyễn Xuân H, bà Nguyễn Thị M. Do vậy, Viện trưởng VKSND tỉnh Đ ban hành kháng nghị theo hướng sửa án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Minh T và bà Vũ Thị X.

Kinh nghiệm đối với Kiểm sát viên: Khi giải quyết vụ án mà người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ, Kiểm sát viên phải kiểm tra trong hồ sơ vụ án đã có hồ sơ cấp GCNQSDĐ đối với GCNQSDĐ bị đề nghị hủy hoặc hồ sơ của các GCNQSDĐ có liên quan, nếu trong hồ sơ vụ án không có thì Kiểm sát viên phải yêu cầu Tòa án hoặc yêu cầu người bị kiện cung cấp để phục vụ cho việc giải quyết vụ án. Sau đó, Kiểm sát viên tiến hành kiểm tra hồ sơ cấp GCNQSDĐ đã được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo khoản 2 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định trách nhiệm của UBND cấp xã trong việc xác minh về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, tình trạng tranh chấp, sự phù hợp với quy hoạch...

Ngoài ra, đối với những vụ án yêu cầu hủy GCNQSDĐ đều cần thiết phải tiến

hành đo đạc, thẩm định tại chỗ đối với thửa đất đang xảy ra tranh chấp. Đây cũng là căn cứ vững chắc để xem xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện có căn cứ hay không; xác định GCNQSDĐ bị khởi kiện đã được cấp cho đúng đối tượng, đúng diện tích, đúng vị trí hay chưa? Từ đó, dựa vào những tài liệu, chứng cứ để xem xét chấp nhận hay bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện cho đúng quy định của pháp luật.

Chính vì vậy, việc xác định loại đất là rất quan trọng, vì đây là căn cứ để giải quyết vụ án một cách chính xác và đảm bảo được quyền lợi cho người sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật.

2. Kinh nghiệm phát hiện vi phạm trong vụ án kinh doanh thương mại, lao động

- Trong nhận định, đánh giá hợp đồng lao động không đúng quy định pháp luật:

Ví dụ: Ông Đỗ Thanh C khởi kiện yêu cầu TAND tỉnh Đ tuyên buộc Sở Tư pháp tỉnh Đ phải bồi thường cho ông Đỗ Thanh C các khoản tiền do hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật của Sở Tư pháp gây ra.

Quá trình giải quyết vụ việc nhận thấy, việc Sở Tư pháp tỉnh Đ chấm dứt hợp đồng lao động với ông C là đúng quy định pháp luật. Bởi vì, Sở Tư pháp chấm dứt hợp đồng lao động để chuyển giao hợp đồng lao động này sang cho Phòng Công chứng số 1 trực thuộc Sở Tư pháp. Việc chấm dứt hợp đồng lao động này là sự thỏa thuận giữa hai bên, ông C đã biết, đồng ý và việc chuyển hợp đồng lao động không thiệt hại về lợi ích và thời gian làm việc của ông C, nên yêu cầu khởi kiện của ông C là

không có cơ sở. Tuy nhiên, TAND tỉnh Đ vẫn tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc Sở Tư pháp phải bồi thường cho ông Đỗ Thanh C các khoản tiền do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật tổng cộng là 145 triệu đồng là không đúng quy định pháp luật.

Kinh nghiệm đối với Kiểm sát viên: Khi nghiên cứu, giải quyết hồ sơ lao động, Kiểm sát viên phải xem xét kỹ hợp đồng lao động đúng hình thức chưa, có vi phạm các nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động hay không (hợp đồng lao động phải được ký kết trên tinh thần tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực; các bên được tự do giao kết hợp đồng lao động nhưng không được trái pháp luật, thỏa ước lao động tập thể và đạo đức xã hội; chủ thể ký kết hợp đồng có đúng pháp luật hay không, việc đơn phương chấm dứt hợp đồng có đúng quy định của Bộ luật lao động và văn bản pháp luật khác hay không? Khi chấm dứt hợp đồng lao động thì người sử dụng lao động đã giải quyết đầy đủ quyền lợi cho người lao động hay chưa?...).

Ngoài ra, đối với các khoản tiền chế độ trợ cấp bảo hiểm một lần và bảo hiểm thất nghiệp là do cơ quan bảo hiểm xã hội và cơ quan có thẩm quyền chi trả, không phải do người sử dụng lao động chi trả và người lao động không hưởng trợ cấp thôi việc khi đã đóng bảo hiểm thất nghiệp quy định tại khoản 1, 3 Điều 14 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động nên Kiểm sát viên cần phải chú ý những điểm này, khi giải quyết yêu cầu của nguyên đơn.

- Không đưa đầy đủ đương sự vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án kinh doanh thương mại:

Ví dụ: Công ty cổ phần H khởi kiện yêu cầu công ty TNHH P phải thanh toán tổng số 6 tỉ đồng và lãi chậm trả trên số nợ gốc theo lãi suất ngân hàng, vì cho rằng sau khi hai bên ký kết hợp đồng, Công ty H đã thực hiện nghĩa vụ thi công theo hợp đồng đã ký kết và bàn giao cho chủ đầu tư đưa vào sử dụng nhưng Công ty P vẫn chưa thanh toán xong khoản tiền thi công công trình. Trong vụ án này có Công ty T là đơn vị thầu phụ của Công ty P và Công ty cổ phần tư vấn xây dựng công trình là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vì hai công ty này tham gia vào quá trình thi công, nghiệm thu thanh toán đối với công trình theo hợp đồng mà Công ty H đã ký kết với Công ty P.

Tòa án cấp sơ thẩm khi xem xét, giải quyết vụ án đã không đưa Công ty T và Công ty cổ phần tư vấn xây dựng công trình tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là thiếu sót, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự và vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

Kinh nghiệm đối với Kiểm sát viên: Các vụ án kinh doanh thương mại bị cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm hủy án sơ thẩm chiếm phần lớn là do không đưa đầy đủ đương sự vào tham gia tố tụng. Do vậy, Kiểm sát viên cần lưu ý vấn đề này, nhất là trong các hợp đồng liên doanh, liên kết mua bán hàng hóa, hợp đồng thi công xây dựng, thường

bao gồm một hoặc nhiều công ty trở lên. Đối với các vụ án tranh chấp hợp đồng thế chấp tài sản, nếu không xem xét đưa những người có tài sản đảm bảo, tài sản thế chấp vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm không thể khắc phục được, dẫn đến cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm phải hủy án sơ thẩm giao cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

- Vi phạm của TAND trong việc xem xét, đánh giá tài liệu, chứng cứ:

Ví dụ: Công ty Cổ phần cao su K (Công ty K) đề nghị Tòa án tuyên buộc Công ty nông nghiệp N (Công ty N) trả số tiền lãi và gốc tạm tính đến ngày 19/10/2020 và lãi đến ngày xét xử, vì cho rằng Công ty N đã vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết, cụ thể: Công ty N có trách nhiệm trả cho Công ty K các khoản chi phí bao gồm lợi nhuận cố định, phí sử dụng cơ sở hạ tầng và thuế giá trị gia tăng hàng năm.

Quá trình giải quyết vụ án nhận thấy, nội dung hợp đồng giữa Công ty K và Công ty N thể hiện: “Công ty K tham gia góp vốn đầu tư bằng quyền sử dụng đất được Nhà nước cho thuê để sản xuất nông nghiệp và được trả khoản tiền cố định hàng năm mà không phụ thuộc vào kết quả sản xuất kinh doanh công ty đối tác”. Do đó, bản chất của hợp đồng hợp tác kinh doanh này là Công ty K cho thuê lại quyền sử dụng đất được Nhà nước cho thuê để sản xuất nông nghiệp.

Theo khoản 1 Điều 75 Luật đất đai năm 2013 quy định về quyền và nghĩa vụ của

tổ chức kinh tế sử dụng đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm thì Công ty K không có quyền cho thuê lại quyền sử dụng đất, nên hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty K với Công ty N đương nhiên bị vô hiệu. Từ đó, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Việc TAND cấp sơ thẩm không xem xét, đánh giá toàn diện nội dung của hợp đồng, dẫn đến việc nhận định sai bản chất của hợp đồng và tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty K là không đúng quy định của pháp luật.

Kinh nghiệm đối với Kiểm sát viên: Khi giải quyết các tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh, Kiểm sát viên phải xem xét kỹ các nội dung chủ yếu của hợp đồng hợp tác quy định tại Điều 505 Bộ luật Dân sự năm 2015, vì vẫn có trường hợp tuy là hợp đồng hợp tác kinh doanh, nhưng bản chất của hợp đồng lại là cho thuê lại đất được Nhà nước cho thuê để sản xuất nông nghiệp. Theo khoản 1 Điều 75 Luật đất đai năm 2013 quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức kinh tế sử dụng đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm thì tổ chức kinh tế được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm không có quyền cho thuê lại trong trường hợp Nhà nước cho thuê đất để sản xuất nông nghiệp (chỉ được phép cho thuê lại trong trường hợp được phép đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng). Do vậy, trong trường hợp này hợp đồng bị vô hiệu do ký kết trái với quy định của pháp luật. □